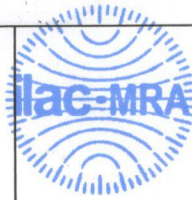


**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
PHÚ YÊN**



Số: 48/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

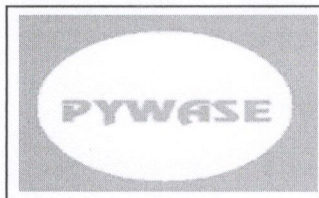
I./ THÔNG TIN MẪU

Stt	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	212M ₁ 01/18	Công ty Bia Masan Brewery	Nước sau khi xử lý	Nguyễn Thị Cẩm Tú	17/12/2018 8g00-8g15	Nguyễn Thị Cẩm Tú
2	213B09/18	Bể chứa NMN Vũng Rô		Trần Quang Vinh	17/12/2018 9g30-9g45	
3	213M ₁ 09/18	Cảng Vũng Rô			17/12/2018 9g45-10g15	Diệp Thị Ngọc Loan
4	214M ₁ 01/18	Công Ty Bia Sài Gòn		Diệp Thị Ngọc Loan	17/12/2018 8g30-8g45	
5	214M ₂ 01/18	77 Nguyễn Tất Thành			17/12/2018 9g00-9g15	Nguyễn Thị Kim Trang
6	214M ₃ 01/18	118 ^A Lê Trung Kiên			17/12/2018 9g30-9g45	
7	215B01/18	Bể Chứa NMN Tuy Hòa		Nguyễn Thị Kim Trang	17/12/2018 8g00-8g15	Phạm Thị Luyện

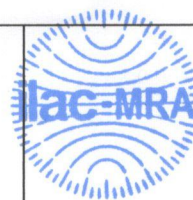
Mã tài liệu BM.KT.02.02

Ban hành lần 02

Ngày ban hành :19 /03/2018



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
PHÚ YÊN



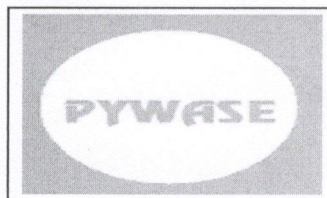
II./KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				212M ₁ 01/18	213B09/18	213M ₁ 09/18	214M ₁ 01/18
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6.84	7.26	7.24	6.85
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	1.58	1.61	1.66	1.83
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.06	0.02	KPH (LOD=0.02)	0.02
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	16.84	10.78	11.11	14.82
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	44.35	13.20	13.73	41.71
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	10.9	10.6	11.1	10.3
10	Tổng chất rắn hòa tan(TDS) (mg/l)	1000	SMEWW-2540C	97	58	52	95
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN6180:1996	1.00	0.25	0.25	0.75
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	9.40	7.60	7.40	9.00
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	0.02	0.02	KPH (LOD=0,01)	0.02
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6186:1996	0.45	0.71	0.64	0.51
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH (LOD=0,38)	0.44	KPH (LOD=0,38)	KPH (LOD=0,38)

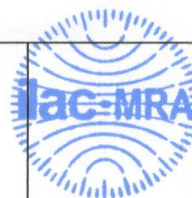
Mã tài liệu BM.KT.02.02

Ban hành lần 02

Ngày ban hành :19/03/2018



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
PHÚ YÊN

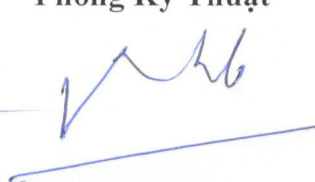


II./KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				214M ₂ 01/18	214M ₃ 01/18	215B01/18	
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6.87	6.88	6.91	
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	1.87	1.93	1.69	
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.04	0.02	0.06	
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	14.48	14.82	15.16	
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	42.24	43.29	42.24	
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	0.004	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	9.9	10.1	12.6	
10	Tổng chất rắn hòa tan(TDS) (mg/l)	1000	SMEWW-2540C	98	102	100	
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN6180:1996	0.75	0.75	1.00	
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	9.2	9.2	9.0	
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	0.02	0.02	0.02	
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6186:1996	0.45	0.39	0.45	
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)	
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH (LOD=0,38)	KPH (LOD=0,38)	0.53	

Ghi chú: - LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện


Lãnh Đạo Công Ty
Nguyễn Tân Thuận

Phòng Kỹ Thuật

Nguyễn Văn Bình

Tuy Hòa, ngày 24 tháng 12 năm 2018
Bộ Phận Kiểm nghiệm

Võ Bá Duy Huân

Mã tài liệu BM.KT.02.02	Ban hành lần 02	Ngày ban hành :19 /03/2018
-------------------------	-----------------	----------------------------